

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Đức

Ông Trần Trọng Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-10-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05-11-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H; địa chỉ: Phố NCT, phường HK, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh C; địa chỉ: Phố CT, phường HL, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09-4-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày:

Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Mạnh C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng từ ngày 23-11-1982. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm được với nhau, hai bên đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Nên từ năm 2015, bà H sống ly thân với ông C. Do việc chung sống giữa bà H và ông C không hạnh phúc, nên bà H đề nghị được ly hôn ông C.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 18-5-1983 và Nguyễn Huy K, sinh ngày 09-12-1986. Hai con chung đều trên 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn, ông Nguyễn Mạnh C vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai, ông C có ý kiến như sau: Ông và bà H có quan hệ hôn nhân như bà H đã trình bày ở trên. Do mâu thuẫn giữa hai bên rất trầm trọng, nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà H đề nghị ly hôn với ông C, ông C đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản chung, ông C có ý kiến tương tự bà H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Trương Thị H vắng mặt, đã nộp cho Tòa án Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 16-10-2018; bị đơn, ông Nguyễn Mạnh C được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, bà Trương Thị H và ông Nguyễn Mạnh C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng quá trình chung sống giữa bà H và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, không thông cảm được với nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên hai bên đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được, nên bà Trương Thị H đề nghị ly hôn với ông Nguyễn Mạnh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trương Thị H ly hôn với ông Nguyễn Mạnh C là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Mạnh C có 02 con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 18-5-1983 và Nguyễn Huy K, sinh ngày 09-12-1986. Hai con chung đều trên 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị H và ông Nguyễn Mạnh C được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 18-5-1983 và Nguyễn Huy K, sinh ngày 09-12-1986. Hai con chung đều trên 18 tuổi.

3. Về án phí: Bà Trương Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007776, ngày 07-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà Trương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường HL, HB, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền

